TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT B
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:07/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 10 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT B

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Thị Chính;

2. Ông Ma Đức Duyên;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Ma Ngọc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Ông Ma Ngọc Biền - Kiểm sát viên;

Ngày 01 tháng 10 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: **Anh Đào Thanh N**, sinh năm 1989; ĐKHKTT: Tổ 18, phường An Tường, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Tạm trú: Thôn Bản P, xã T, huyện L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

*** Bị đơn**: **Chị Hoàng Thị B**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

(Anh N có mặt tại phiên tòa, chị B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Thanh N trình bày*:**

*Về quan hệ hôn nhân:*Anh Đào Thanh N và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau ngày 20 tháng 01 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã

T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ đẻ của chị B tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị B tự ý bỏ nhà đi làm ăn xa ở các quán hát karaoke lúc thì ở tỉnh Quảng Ninh, lúc thì ở thành phố Hải phòng, không quan tâm đến con cái và gia đình, dẫn đến vợ

chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh N và chị B đã sống ly thân từ tháng 12/2016 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Hoàng Thị B.

Về con chung:

Anh N và chị Hoàng Thị B có 01 con chung là cháu Đào Ngọc A, sinh ngày 25/7/2014, anh N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ:

Anh N xác định, anh và chị Hoàng Thị B không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***Căn cứ Biên bản xác minh tại gia đình của chị Hoàng Thị B, tại thôn L và UBND xã T được biết*:**

Anh Đào Thanh N và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau ngày 20 tháng 01 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ của chị B tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Chị B và anh N đã sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, chị B hiện không có mặt tại địa phương, khi đi không khai báo tạm vắng nên Thôn, xã không xác định được chị B đang làm gì, đang ở đâu.

Về con chung: Anh N và chị Hoàng Thị B có 01 con chung là cháu Đào Ngọc Anh, sinh ngày 25/7/2014, hiện đang sống cùng bố mẹ đẻ của chị B là ông Hoàng Xuân Chí và bà Hiền tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài sản chung, vay nợ: Thôn, Ủy ban nhân dân xã không xác định được.

Đại diện thôn L và ông Hoàng Xuân C là bố đẻ của chị Hoàng Thị B cho biết thêm: Thôn đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các Giấy mời, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án và đã giao cho ông Hoàng Xuân C. Ông Chí xác định đã nhận được các văn bản trên, do chị B không có ở nhà nên ông đã gọi điện thoại thông báo cho chị B biết rõ nội dung các văn bản của Tòa án, nhưng chị B nói do làm ăn xa nên không đến Tòa án nhân dân huyện L làm việc được.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc " *Kiện xin ly hôn, giao nuôi con chung"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 70, 144, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh N, xử cho anh Đào Thanh N được ly hôn với chị Hoàng Thị B;

Về con chung: Giao cháu Đào Ngọc A, sinh ngày 25/7/2014, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh N xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết, do đó không xem xét.

Về án phí: Anh Đào Thanh N phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và đề nghị tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Đào Thanh N khởi kiện xin ly hôn chị Hoàng Thị B và đề nghị giải quyết về việc giao nuôi con chung, nên xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con; Anh N và chị B đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và niêm yết công khai theo quy định của pháp luật đối với chị Hoàng Thị B, nhưng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông báo thụ lý được niêm yết chị B không có yêu cầu phản tố gì cũng không có văn bản gì về việc nêu ý kiến của mình nên Toà án không có căn cứ để xem xét. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị B không đến Tòa án để viết tự khai, Tòa án không ghi được lời khai của chị B. Toà án cũng triệu tập chị B hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng chị B vẫn vắng mặt mà không có lý do, nên căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2, điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt chị B.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Đào Thanh N và chị Hoàng Thị B kết hôn với nhau vào ngày 20 tháng 01 năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang, như vậy xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách không hợp nhau, không yêu thương nhau, chị B thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm đến con cái và gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

chửi nhau. Anh N và chị B đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2016 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho anh Đào Thanh N được ly hôn với chị Hoàng Thị B.

[3]. Về con chung:

Anh Đào Thanh N và chị Hoàng Thị B có 01 con chung là cháu Đào Ngọc A, sinh ngày 25/7/2014, cần giao cháu A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đào Thanh N xác định, không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết, do đó HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh Đào Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 70, 144, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Thanh N được ly hôn chị Hoàng Thị B;

2. Về con chung: Giao cháu Đào Ngọc A, sinh ngày 25/7/2014, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền được đi lại, thăm con, chăm sóc con chung không ai được cản trở; có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Anh Đào Thanh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(Ba trăm nghìn đồng)*, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000053 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, anh N đã nộp đủ tiền án phí. Chị Hoàng Thị B không phải nộp án phí.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ gày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 , 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Quỳnh

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Biểu quyết: 3/3 nhất trí các nội dung trên.

Biên bản kết thúc hồi giờ phút cùng ngày./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Đinh Thị Chính	**Ma Đức Duyên**	**Lý Đức Quỳnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Xuân Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tấn Ngợi Vi Thị Nhâm **Lý Đức Quỳnh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Quỳnh